



fáng kè

房客

noun · tenant; lodger

Example Sentences

Fáng dōng hé fáng kè qiān le yī nián de hé tóng

房东和房客签了一年的合同。

The landlord and the tenant signed a one-year contract.

zhè wèi fáng kè měi gè yuè dōu àn shí jiāo fáng zū

这位房客每个月都按时交房租。

This tenant pays the rent on time every month.

Trace each character, then write the word on your own.

房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房
客	客	客	客	客	客	客	客	客	客	客
客										